

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA QUỸ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VINGROUP

PHẦN I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng để quản lý các dự án khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là “**Dự Án**”) được Quỹ Đổi mới sáng tạo Vingroup (“**VINIF**”) thuộc Viện Nghiên cứu Dữ liệu lớn (“**VNCDLL**”) xét chọn theo ủy quyền của các nhà tài trợ thuộc Tập đoàn Vingroup.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam tham gia đăng ký, thực hiện Dự Án do VINIF thuộc VNCDLL xét chọn, tài trợ.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý Dự Án

- 3.1 VNCDLL thực hiện xét chọn, đánh giá Dự Án thông qua Hội đồng Khoa học và Công nghệ của VNCDLL (sau đây gọi tắt là “**Hội đồng Khoa học**”), bảo đảm tính khách quan, công bằng, bình đẳng và bảo đảm chất lượng nghiên cứu theo chuẩn mực quốc tế.
- 3.2 Các nội dung chi tiết liên quan đến việc tài trợ cho từng Dự Án sẽ được cụ thể hóa bằng Thỏa thuận tài trợ được ký kết giữa VNCDLL với tổ chức chủ trì (“**TCCT**”) và chủ nhiệm Dự Án (“**CNDA**”) có đủ điều kiện quy định tại Điều 6 của Quy định này sau khi Dự Án được lựa chọn (sau đây gọi tắt là “**Thỏa Thuận Tài Trợ**”).

Điều 4. Hội đồng Khoa học

- 4.1 Hội đồng Khoa học do VNCDLL thành lập để đánh giá xét chọn, thẩm định, kiểm tra tiến độ, đánh giá kết quả thực hiện về nội dung và kinh phí của các Dự Án được tài trợ.
- 4.2 Thành viên Hội đồng Khoa học là các chuyên gia có chuyên môn phù hợp với nội dung nghiên cứu của Dự Án và các nhà quản lý khoa học; chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn, đánh giá của mình; thực hiện công việc trung thực, khách quan; bảo mật thông tin của Dự Án.

PHẦN II. ĐÁNH GIÁ XÉT CHỌN DỰ ÁN

Điều 5. Hồ sơ đăng ký Dự Án

- 5.1 Hồ sơ đăng ký Dự Án bao gồm: Đơn đăng ký Dự Án (Mẫu 1.1.VINIF-A-DDK), Thuyết minh Dự Án (Mẫu 1.2.VINIF-A-TMDA) và Tài liệu bổ sung khác để làm tăng tính thuyết phục của Dự Án (nếu có).
- 5.2 TCCT nộp hồ sơ đăng ký Dự Án theo phương thức trực tuyến tại hệ thống quản lý trực tuyến của VINIF (<https://oms.vinif.org/>) (“**Cổng thông tin VinIF**”). Hồ sơ hợp lệ sẽ được xác nhận thông qua hệ thống này.
- 5.3 TCCT nộp bổ sung 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký Dự Án bản giấy về địa chỉ trụ sở của VNCDLL khi có yêu cầu.

Điều 6. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân tham gia đăng ký Dự Án

- 6.1 TCCT là tổ chức khoa học và công nghệ (trường đại học, viện nghiên cứu, bệnh viện, ...) tại Việt Nam; có đủ tư cách pháp nhân; có chức năng nghiên cứu khoa học và công nghệ, hoạt động phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của Dự Án; có đủ điều kiện về nhân lực, thiết bị và cơ sở vật chất cho việc thực hiện Dự Án đạt hiệu quả.
- 6.2 Mỗi Dự Án có 01 (một) CNDA và tối đa 01 (một) đồng CNDA. CNDA và đồng CNDA có chuyên môn phù hợp với nội dung nghiên cứu của Dự Án; có trình độ từ tiến sĩ trở lên; có ít nhất 03 (ba) kết quả nghiên cứu thuộc chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của Dự Án; có ít nhất 03 (ba) kết quả nghiên cứu được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc là tác giả của ít nhất 01 (một) sáng chế hoặc giải pháp hữu ích trong thời gian 05 (năm) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ; có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và đảm bảo đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của Dự Án; dành tối thiểu 30% thời gian làm việc để thực hiện Dự Án.
- 6.3 Thành viên chính của Dự Án có chuyên môn phù hợp với nội dung nghiên cứu của Dự Án; có trình độ từ tiến sĩ trở lên; dành tối thiểu 30% thời gian làm việc để thực hiện Dự Án.
- 6.4 Chuyên gia trong và ngoài nước thực hiện Dự Án là những người có kinh nghiệm và hiểu biết vượt trội về lĩnh vực nghiên cứu của Dự Án.
- 6.5 Thành viên và các cá nhân liên quan khác của Dự Án phải có trình độ chuyên môn và kỹ năng phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của Dự Án.
- 6.6 Mỗi cá nhân được đồng thời tham gia không quá 02 (hai) Dự Án do VNCDLL tài trợ, trong đó làm CNDA hoặc Đồng CNDA không quá 01 (một) Dự Án; tổng thời gian làm việc của cá nhân cho các Dự Án này không vượt quá 50% thời gian làm việc.

Trường hợp tổ chức, cá nhân không đáp ứng các yêu cầu nêu trên thì phải giải trình bằng văn bản hoặc thư điện tử để VNCDLL xem xét, quyết định.

Điều 7. Yêu cầu về thời gian thực hiện và kết quả của Dự Án

- 7.1 Thời gian thực hiện của Dự Án từ 24 (hai mươi tư) tháng đến 36 (ba mươi sáu) tháng. Thời gian gia hạn (nếu được VNCDLL chấp thuận) không quá 12 (mười hai) tháng.
- 7.2 Kết quả của Dự Án phải bao gồm tối thiểu một trong các sản phẩm sau:

- a) Sản phẩm, dịch vụ, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng theo đánh giá của VINIF;
 - b) Bằng sở hữu trí tuệ. Trường hợp chưa được cấp bằng sở hữu trí tuệ thì phải có thông báo chấp nhận đơn hợp lệ hoặc bằng chứng về việc tiếp nhận yêu cầu thẩm định nội dung của cơ quan có thẩm quyền cấp bằng sở hữu trí tuệ và phải được Hội đồng Khoa học đánh giá Đạt về chuyên môn;
 - c) Bài báo công bố trong danh mục tạp chí hoặc hội thảo do CNDA đề xuất (lựa chọn trong các tạp chí quốc tế hạng Q1 theo <https://www.scimagojr.com> hoặc trong các hội thảo hạng A trở lên theo <http://www.core.edu.au>), được VNCDLL phê duyệt;
 - d) Đào tạo thạc sĩ, đào tạo hoặc hỗ trợ đào tạo tiến sĩ.
- 7.3 Trường hợp sản phẩm của Dự Án thuộc điểm b, điểm c khoản 7.2 Điều này, CNDA phải là tác giả chính của ít nhất 01 (một) bằng sở hữu trí tuệ hoặc 01 (một) bài báo.
- 7.4 Yêu cầu về các kết quả nghiên cứu của Dự Án:
- a) Đối với các công bố, đăng tải tài liệu Tiếng Việt cần ghi rõ: “Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Đổi mới sáng tạo Vingroup (VINIF) trong Dự Án mã số”;
 - b) Đối với các công bố, đăng tải tài liệu Tiếng Anh cần ghi rõ: “*This research was funded by Vingroup Innovation Foundation (VINIF) under project code ...*”;
- Chú ý: Nếu bài báo ghi nhận tài trợ bởi VINIF và nguồn tài trợ của các tổ chức khác tại Việt Nam thì sẽ được xem xét tính tối đa là ½ bài báo nghiệm thu. Bài báo nghiệm thu phải có CNDA, đồng CNDA và/hoặc thành viên chính trong danh sách tác giả.*
- c) Các kết quả công bố được công nhận là kết quả của Dự Án: (1) Phải được chấp nhận đăng hoặc được đăng trong thời gian thực hiện Thỏa Thuận Tài Trợ hoặc thời gian gia hạn chờ công bố (nếu có); (2) Địa chỉ, đơn vị công tác của các tác giả trong phần địa chỉ làm việc (affiliation) của công bố phải trùng khớp với thông tin trong Hồ sơ đăng ký Dự Án đã nộp cho VNCDLL;
 - d) Các cơ sở dữ liệu là sản phẩm của Dự Án (nếu có) phải được chia sẻ miễn phí cho mục đích nghiên cứu và đào tạo tại địa chỉ và trong thời hạn do VNCDLL quyết định.

Điều 8. Phương thức, tiêu chí đánh giá xét chọn Dự Án

- 8.1 VNCDLL thực hiện việc đánh giá, xét chọn Dự Án thông qua Hội đồng Khoa học gồm các chuyên gia trong nước và quốc tế thông qua các phiếu đánh giá (Mẫu 1.4.VINIF-A-PDG và Mẫu 1.6.VINIF-A-BBHTD). Trong quá trình đánh giá, xét chọn, VNCDLL có thể yêu cầu CNDA và/hoặc TCCT nộp bổ sung thông tin và/hoặc bộ hồ sơ đăng ký (Mẫu 1.4.VINIF-A-TBBSTT và Mẫu 1.5.VINIF-A-CVBSTT).
- 8.2 Tiêu chí đánh giá xét chọn Dự Án:
- a) Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu;
 - b) Năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu của CNDA và các thành viên tham gia thực hiện; điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật của TCCT phục vụ nghiên cứu;
 - c) Tính sáng tạo, ý nghĩa khoa học;

- d) Mục tiêu, nội dung rõ ràng; phương pháp và kế hoạch nghiên cứu phù hợp để đạt được mục tiêu; kết quả dự kiến; khả năng thành công của Dự Án; dự toán kinh phí nghiên cứu hợp lý; Giá trị khoa học và công nghệ của các sản phẩm của Dự Án;
- e) Đối với Dự Án có ứng dụng thì xét thêm: tính tiên tiến của công nghệ, lộ trình đổi mới và phát triển dòng sản phẩm cùng công nghệ, khả năng được ứng dụng của vấn đề nghiên cứu được đề xuất, ý nghĩa thực tiễn và tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 9. Công bố danh mục Dự Án được tài trợ

- 9.1 VNCDLL công bố danh mục Dự Án được tài trợ trên trang thông tin điện tử <https://vinif.org/> và gửi thông báo, hướng dẫn các thủ tục cần thiết đến TCCT, CNDA.
- 9.2 Quyết định tài trợ cho một Dự Án có thể bị hủy bỏ nếu TCCT, CNDA bị phát hiện giả mạo, gian lận trong khai báo hoặc vi phạm các yêu cầu đối với TCCT và CNDA, hoặc không hoàn thiện Thỏa Thuận Tài Trợ theo yêu cầu.

PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

III.1. THỎA THUẬN TÀI TRỢ

Điều 10. Thỏa Thuận Tài Trợ

- 10.1 VNCDLL sẽ tiến hành trao đổi, thống nhất Thỏa Thuận Tài Trợ với TCCT và CNDA (Mẫu 2.1.VINIF-B-TTTT).
- 10.2 Thỏa Thuận Tài Trợ là căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện, kiểm tra, đánh giá Dự Án và giải quyết các vấn đề liên quan đến Dự Án.
- 10.3 Thuyết minh Dự Án, các phụ lục và các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện (nếu có) là bộ phận không tách rời của Thỏa Thuận Tài Trợ.

Điều 11. Điều chỉnh Thỏa thuận Tài Trợ

- 11.1 TCCT, CNDA có thể đề xuất điều chỉnh Thỏa Thuận Tài Trợ, tự chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình, với điều kiện không thay đổi mục tiêu, thời gian, kết quả nghiên cứu cũng như không được làm tăng kinh phí tài trợ của Dự Án đối với các trường hợp dưới đây:
 - a) Điều chỉnh dự toán kinh phí trong từng khoản mục của Dự Án bao gồm: (1) Nhân công; (2) Nguyên nhiên vật liệu, máy móc, thiết bị; (3) Chi khác;
 - b) Điều chỉnh, bổ sung cá nhân tham gia nghiên cứu không phải là thành viên chính, thư ký khoa học để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, sản phẩm của Dự Án đã được phê duyệt. Việc thay đổi cá nhân tham gia nghiên cứu phải có sự đồng thuận của người được bổ sung và người được thay thế và phải đáp ứng yêu cầu tại Điều 6 Quy định này;
 - c) Điều chỉnh mua sắm nguyên, nhiên vật liệu, máy móc thiết bị, gồm: kế hoạch mua sắm và dự toán về số lượng, khối lượng, chủng loại nguyên, nhiên vật liệu, máy móc, thiết bị.
 - d) Điều chỉnh nội dung nghiên cứu của Dự Án.
- 11.2 Các điều chỉnh khác ngoài khoản 11.1, trong đó có điều chỉnh kinh phí giữa các hạng mục, chỉ được VNCDLL xem xét, quyết định trong trường hợp đặc biệt.
- 11.3 Trình tự, thủ tục điều chỉnh:
Hồ sơ đề nghị điều chỉnh bao gồm:

- a) Công văn đề nghị điều chỉnh Thỏa Thuận Tài Trợ của TCCT, CNDA (Mẫu 2.5.VINIF-B-DNDC);
- b) Phụ lục điều chỉnh;
- c) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

VNCDLL sẽ phản hồi TCCT, CNDA về việc điều chỉnh bằng văn bản.

Điều 12. Chấm dứt Thỏa Thuận Tài Trợ

12.1 Thỏa Thuận Tài Trợ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- a) Dự Án đã được VNCDLL nghiệm thu, VNCDLL và TCCT, CNDA thống nhất ký thanh lý Thỏa Thuận Tài Trợ;
- b) Dự Án đã kết thúc và TCCT, CNDA không phối hợp với VNCDLL để thanh lý Thỏa Thuận Tài Trợ;
- c) Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Dự Án là không cần thiết và được VNCDLL, TCCT và CNDA đồng ý chấm dứt Thỏa Thuận Tài Trợ trước thời hạn;
- d) TCCT, CNDA không đảm bảo thực hiện Dự Án theo Thỏa Thuận Tài Trợ đã ký;
- e) TCCT, CNDA không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Dự Án theo quy định;
- f) TCCT, CNDA bị đình chỉ thực hiện Dự Án theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

12.2 Trường hợp chấm dứt Thỏa Thuận Tài Trợ trước thời hạn theo quy định tại điểm c khoản 12.1 Điều này thì TCCT, CNDA cần nộp cho VNCDLL Báo cáo tình hình thực hiện đến thời điểm chấm dứt và tài liệu khác (nếu có). Sau khi TCCT, CNDA thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Quy định này, Các Bên sẽ thanh lý Thỏa Thuận Tài Trợ (Mẫu 2.14.VINIF-B-TLTTTT).

12.3 Trường hợp chấm dứt Thỏa Thuận Tài Trợ theo quy định tại điểm b, điểm d, điểm e, điểm f khoản 12.1 Điều này, VNCDLL ra quyết định chấm dứt thực hiện Thỏa Thuận Tài Trợ và Thỏa Thuận Tài Trợ tự động thanh lý.

III.2. ĐÁNH GIÁ GIAI ĐOẠN, NGHIỆM THU DỰ ÁN

Điều 13. Báo cáo và đánh giá giai đoạn

- 13.1 Căn cứ tiến độ, nội dung nghiên cứu ghi trong Thỏa Thuận Tài Trợ, CNDA và TCCT lập Báo cáo tình hình thực hiện Dự Án (Mẫu 2.2.VINIF-B-BCGD), và gửi đến VNCDLL trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc giai đoạn.
- 13.2 Trong quá trình thực hiện, VNCDLL có quyền kiểm tra định kỳ theo giai đoạn hoặc đột xuất để đánh giá tình hình thực hiện Dự Án. Kết quả kiểm tra phải được ghi nhận bằng biên bản theo Mẫu 2.4.VINIF-B-BBKTTD.
- 13.3 VNCDLL tổ chức kiểm tra, đánh giá giai đoạn, kiểm tra thực tế (nếu có) về kết quả thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí và sản phẩm đã hoàn thành. Kết quả kiểm tra, đánh giá được xác nhận theo Mẫu 2.3.VINIF-B-DGGD.
- 13.4 Căn cứ văn bản đánh giá giai đoạn thực hiện Dự Án, VNCDLL quyết định cấp kinh phí giai đoạn tiếp theo hoặc dừng thực hiện Thỏa Thuận Tài Trợ.

13.5 Trường hợp Dự Án chưa hoàn thành các kết quả đã đăng ký theo giai đoạn nhưng có thể khắc phục thì TCCT phải gửi văn bản xin gia hạn trước khi kết thúc thời gian thực hiện giai đoạn để VNCDLL xem xét, phê duyệt. Trong thời gian gia hạn, VNCDLL sẽ không cấp kinh phí giai đoạn tiếp theo.

Điều 14. Báo cáo và nghiệm thu kết thúc

14.1 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Dự Án, TCCT, CNDA nộp hồ sơ nghiệm thu, bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện Dự Án (Mẫu 2.6.VINIF-B-BCTH) và tài liệu chứng minh sản phẩm và tài chính; Thỏa Thuận Tài Trợ và các văn bản điều chỉnh (nếu có).

14.2 VNCDLL tổ chức đánh giá nghiệm thu theo các tiêu chí sau:

- a) Việc tổ chức triển khai Dự Án (tổ chức thực hiện sử dụng hợp lý tài chính, nhân lực, trang thiết bị, nhà xưởng, nguyên vật liệu,...);
- b) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm;
- c) Sự phù hợp của sản phẩm khoa học so với Thuyết minh của Dự Án;
- d) Hiệu quả tác động của Dự Án đối với phát triển kinh tế, xã hội và môi trường (Mức độ ứng dụng công nghệ và thương mại hóa sản phẩm; Hiệu quả kinh tế trực tiếp; Mức độ tác động đối với kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh);
- e) Đánh giá kết quả vượt trội của Dự Án.

14.3 Hội đồng Khoa học đánh giá kết quả thực hiện Dự Án theo quy định (Mẫu 2.9.VINIF-B-PDGNT, Mẫu 2.10.VINIF-B-THDDG, Mẫu 2.11.VINIF-B-BBDGNT).

14.4 Thời gian chờ công bố: với bài báo quốc tế là kết quả của Dự Án chưa được đăng hoặc chấp nhận đăng, CNDA nộp bằng chứng về việc đã gửi đăng cho VNCDLL và nộp bằng chứng bài báo đã được đăng cho VNCDLL trong thời gian 12 (mười hai) tháng sau khi kết thúc thời gian thực hiện Thỏa Thuận Tài Trợ.

14.5 Trường hợp Dự Án chưa hoàn thành các kết quả đã đăng ký để nghiệm thu kết thúc Dự Án và có nguyện vọng gia hạn để khắc phục thì TCCT phải gửi công văn xin gia hạn trước khi kết thúc thời gian thực hiện Dự Án để VNCDLL xem xét, phê duyệt. Thời gian gia hạn không quá 12 (mười hai) tháng.

Điều 15. Xử lý kết quả nghiệm thu kết thúc Dự Án

15.1 Đối với Dự Án được Hội đồng Khoa học đánh giá nghiệm thu ở mức “Đạt”:

- a) VNCDLL tổng hợp các ý kiến nhận xét, kiến nghị của Hội đồng Khoa học và gửi đến TCCT và CNDA. TCCT và CNDA có trách nhiệm giải trình, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ báo cáo dự án (Mẫu 2.12.VINIF-B-BBHTHS) trong thời gian do VNCDLL quy định;
- b) VNCDLL căn cứ kết quả đánh giá của Hội đồng Khoa học và kết quả hoàn thiện hồ sơ báo cáo dự án của TCCT và CNDA để cấp tiếp kinh phí hoặc dừng Dự Án (Mẫu 2.13.VINIF-B-CNKQ), tiến hành thủ tục quyết toán tài chính và thanh lý Thỏa Thuận Tài Trợ (Mẫu 2.14.VINIF-B-TLTTTT). Trường hợp cần thiết, VNCDLL lấy thêm ý kiến của chuyên gia đánh giá độc lập trước khi quyết định.

15.2 Đối với Dự Án được đánh giá, nghiệm thu ở mức “Không Đạt”:

- a) TCCT, CNDA lập báo cáo chi tiết toàn bộ quá trình thực hiện; xác định rõ các nguyên nhân gửi VNCDLL;
- b) VNCDLL kiểm tra, xác định nguyên nhân dẫn đến việc Dự Án “Không Đạt” và đưa ra quyết định cuối cùng đối với Dự Án.

III.3. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 16. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán

- 16.1 Tiền công lao động trực tiếp, gồm: tiền công cho CNDA, Đồng CNDA, các thành viên tham gia, chuyên gia trong và ngoài nước.
- 16.2 Chi phí mua nguyên vật liệu, chi phí mua hoặc thuê máy móc thiết bị phục vụ trực tiếp các hoạt động của Dự Án.
- 16.3 Các khoản chi khác, bao gồm nhưng không hạn chế:
 - a) Chi phí điều tra, khảo sát, phân tích, thu thập dữ liệu;
 - b) Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ các hoạt động của Dự Án;
 - c) Chi tổ chức hội thảo, tham dự hội thảo khoa học và công nghệ, họp hội đồng đánh giá kết quả thực hiện Dự Án, đi công tác trong và ngoài nước phục vụ các hoạt động của Dự Án;
 - d) Chi phí đăng ký sở hữu trí tuệ;
 - e) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ các hoạt động của Dự Án;
 - f) Chi phí quản lý của TCCT;
 - g) Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện Dự Án.

Điều 17. Khung định mức

Khung định mức là căn cứ để TCCT, CNDA lập dự toán kinh phí tài trợ. Khung định mức được quy định chi tiết tại Phụ lục I: Định mức lập dự toán kinh phí tài trợ của VNCDLL.

- 17.1 Tiền công lao động đối với mỗi chủ thể là tiền công hàng tháng đã bao gồm tiền lương, tiền thưởng, các loại phụ cấp, bảo hiểm, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế, phí khác có liên quan; TCCT và CNDA có trách nhiệm xây dựng dự toán tiền công theo nội dung công việc, số tháng quy đổi tương ứng để thực hiện công việc; chi tiết theo từng chức danh tham gia. Tổng tiền công lao động chi trả cho kỹ thuật viên và nhóm hỗ trợ không được vượt quá 20% tổng tiền công lao động trực tiếp toàn Dự Án.
- 17.2 Các khoản chi tổ chức hoặc tham gia, tham dự hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước được xây dựng và sử dụng trên cơ sở thuyết minh Dự Án, dự kiến khối lượng công việc và các báo giá liên quan.
- 17.3 Các khoản chi trả dịch vụ thuê ngoài được xây dựng và sử dụng trên cơ sở thuyết minh Dự Án, dự kiến khối lượng công việc và các báo giá liên quan. Tổng các khoản chi trả dịch vụ thuê ngoài không vượt quá 30% tổng giá trị tài trợ.
- 17.4 Chi phí quản lý của TCCT không vượt quá 5% tổng giá trị tài trợ.
- 17.5 Đối với các nội dung, mức chi không có trong hướng dẫn, CNDA và TCCT chủ động đề xuất để VNCDLL hướng dẫn trước khi thực hiện.

Điều 18. Thủ tục mua sắm, đấu thầu

Căn cứ thuyết minh và dự toán của Dự Án đã được VNCDLL phê duyệt, TCCT được quyền chủ động phê duyệt kế hoạch và kết quả lựa chọn nhà thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và cung cấp dịch vụ thuộc Dự Án như sau:

- 18.1 Đối với gói thầu có giá trị không quá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), TCCT và CNDA thực hiện theo quy trình tự thực hiện quy định tại Điều 62 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.
- 18.2 Đối với gói thầu có giá trị từ trên 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) đến 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng): cần có báo giá của ít nhất 03 (ba) nhà cung cấp khác nhau.
- 18.3 Đối với gói thầu có giá trị từ trên 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) đến 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), TCCT và CNDA thực hiện theo quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định tại Điều 56 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.
- 18.4 Đối với gói thầu có giá trị từ trên 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) đến 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), TCCT và CNDA thực hiện theo quy trình chào hàng cạnh tranh rút gọn quy định tại Điều 59 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.
- 18.5 Đối với gói thầu có giá trị từ trên 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), TCCT và CNDA thực hiện theo quy trình đấu thầu rộng rãi quy định tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

Điều 19. Tổ chức quản lý và sử dụng kinh phí

- 19.1 TCCT nhận và thực hiện tất cả các giao dịch liên quan đến nguồn kinh phí tài trợ thông qua tài khoản ngân hàng, ưu tiên sử dụng tài khoản của ngân hàng thương mại, khuyến khích mở tài khoản thanh toán riêng để nhận và thực hiện tất cả các giao dịch liên quan đến nguồn kinh phí tài trợ cho Dự Án.
- 19.2 TCCT thực hiện giải ngân kinh phí Dự Án trong vòng 15 (mười lăm) ngày sau khi nhận đầy đủ hồ sơ tạm ứng hoặc hồ sơ thanh toán.
- 19.3 Thủ lao nghiên cứu được TCCT chi trả trực tiếp từ tài khoản của TCCT cho từng người tham gia thực hiện Dự Án.
- 19.4 TCCT và CNDA không được sử dụng khoản kinh phí đã được cấp cho các hoạt động khác ngoài Dự Án (kể cả hoạt động tiết kiệm phát sinh lãi suất có kỳ hạn).
- 19.5 TCCT và CNDA có trách nhiệm bố trí nhân sự phụ trách tài chính để lập dự toán ngân sách Dự Án, dự toán kinh phí cho các giai đoạn, kiểm soát, quản lý nguồn kinh phí tài trợ cho Dự Án và các giao dịch sử dụng nguồn kinh phí này. Nhân sự phụ trách tài chính có trách nhiệm thực hiện ghi chép sổ sách kế toán, chế độ hóa đơn chứng từ theo đúng quy định pháp luật.
- 19.6 CNDA có trách nhiệm tổ chức, thực hiện và đảm bảo tính chính xác của các khoản chi thuộc Dự Án theo Thỏa Thuận Tài Trợ với đầy đủ hợp đồng, hóa đơn chứng từ, biên bản nghiệm thu, và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

- 19.7 TCCT có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí, đảm bảo tính chính xác, hợp lý của các hóa đơn chứng từ, thực hiện tạm ứng và quyết toán kinh phí theo Quy định này và các quy định có liên quan.
- 19.8 VNCDLL có quyền kiểm tra tình hình tài chính của Dự Án định kỳ hoặc đột xuất. TCCT, CNDA và nhân sự phụ trách tài chính có trách nhiệm cung cấp tất cả các thông tin tài chính và hoạt động có liên quan, thực hiện báo cáo định kỳ theo mẫu báo cáo do VNCDLL hướng dẫn.

Điều 20. Phương án xử lý tài sản

Sau khi kết thúc Dự Án, TCCT tiếp nhận và quản lý các tài sản được hình thành trong quá trình thực hiện Dự Án và các tài sản là kết quả của Dự Án.

PHẦN IV. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 21. Trách nhiệm của TCCT

21.1 Trách nhiệm của TCCT

- a) Hỗ trợ và tạo điều kiện để CNDA hoàn thiện hồ sơ Dự Án; cùng CNDA ký kết Thỏa Thuận Tài Trợ thực hiện Dự Án với VNCDLL;
- b) Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục; cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật và nguồn nhân lực như trong Thuyết minh Dự Án để nhóm nghiên cứu triển khai thực hiện Dự Án một cách hiệu quả;
- c) Tiếp nhận kinh phí tài trợ, hỗ trợ CNDA trong việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí tài trợ theo đúng Quy định; xác nhận tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí Dự Án, bảo đảm cung cấp hồ sơ chứng từ đầy đủ và hợp lệ cho VNCDLL;
- d) Cung cấp đầy đủ thông tin cho VNCDLL và các cơ quan khác có liên quan trong việc giám sát, kiểm tra và thanh tra đối với Dự Án;
- e) Thực hiện việc công bố, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của Dự Án theo Quy định này và các quy định có liên quan;
- f) Tổ chức mua sắm, tiếp nhận, quản lý tài sản mua sắm và hình thành của Dự Án theo quy định hiện hành;
- g) Trường hợp Dự Án bị chấm dứt trước thời hạn hoặc không đạt yêu cầu nghiệm thu, TCCT có trách nhiệm tuân thủ quy định của VNCDLL và pháp luật hiện hành.

21.2 TCCT vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này và/hoặc trường hợp Thỏa Thuận Tài Trợ bị chấm dứt theo các trường hợp quy định tại điểm b, điểm d, điểm e, điểm f khoản 12.1 Điều 12 không được đăng ký làm TCCT các Dự Án do VNCDLL tài trợ trong thời gian 02 (hai) năm kể từ ngày có thông báo của VNCDLL. Trong trường hợp TCCT có vi phạm nghiêm trọng Quy định này và Thỏa Thuận Tài Trợ, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hành vi hối lộ, gian lận tài chính, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, sẽ vĩnh viễn không được tham gia các Dự Án do VNCDLL tài trợ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Thông tin này sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử <https://vinif.org/>

Điều 22. Trách nhiệm của CNDA, đồng CNDA và thành viên tham gia Dự Án

22.1 Trách nhiệm của CNDA, đồng CNDA:

- a) Tổ chức triển khai Dự Án theo Thỏa Thuận Tài Trợ đã được ký kết;
- b) Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả theo nội dung của Thỏa Thuận Tài Trợ; thực hiện quyết toán kinh phí của Dự Án theo đúng các quy định hiện hành;
- c) Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện Dự Án theo Thỏa Thuận Tài Trợ. Thực hiện báo cáo về tình hình nghiên cứu, thực hiện Dự Án, sử dụng kinh phí, kết quả Dự Án theo Quy định của VNCDLL;
- d) Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện Dự Án.

22.2 Các thành viên thực hiện các nội dung theo Thỏa Thuận Tài Trợ, phân công của CNDA và các quy định về quản lý đối với Dự Án của TCCT, chịu trách nhiệm về các nội dung và kết quả nghiên cứu tham gia thực hiện.

22.3 CNDA và các thành viên nghiên cứu chịu trách nhiệm về nội dung công bố kết quả nghiên cứu của Dự Án theo pháp luật về khoa học và công nghệ, xuất bản, sở hữu trí tuệ và các quy định liên quan khác của pháp luật Việt Nam.

22.4 CNDA vi phạm quy định tại Điều này và/ hoặc trường hợp Thỏa Thuận Tài Trợ bị chấm dứt theo các trường hợp quy định tại điểm b, điểm d, điểm e và f khoản 12.1 Điều 12, không được đăng ký chủ trì nghiên cứu Dự Án mới do VNCDLL tài trợ trong thời gian 05 (năm) năm kể từ ngày có thông báo của VNCDLL. Trong trường hợp CNDA có vi phạm nghiêm trọng Quy định này và Thỏa thuận Tài Trợ, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hành vi hối lộ, gian lận tài chính, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, sẽ vĩnh viễn không được tham gia các Dự Án do VNCDLL tài trợ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Thông tin này sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử <https://vinif.org/>.

PHẦN V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022, thay thế cho Quy định quản lý dự án Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 19/11/2020.

VIỆN NGHIÊN CỨU DỮ LIỆU LỚN

PHỤ LỤC: BIỂU MẪU VÀ ĐỊNH MỨC LẬP DỰ TOÁN KINH PHÍ

1. DANH MỤC BIỂU MẪU

TT	TÊN BIỂU MẪU VÀ TÀI LIỆU	KÝ HIỆU	VINIF	TCCT, CNDA
A	QUÁ TRÌNH ĐÁNH GIÁ, XÉT CHỌN DỰ ÁN			
1.1	Đơn đăng ký	1.1.VINIF-A-DDK		X
1.2	Thuyết minh Dự Án	1.2.VINIF-A-TMDA		X
1.3	Phiếu đánh giá, xét chọn Dự Án	1.3.VINIF-A-PDG	X	
1.4	Thông báo giải trình, bổ sung thông tin	1.4.VINIF-A-TBBSTT	X	
1.5	Công văn giải trình, bổ sung thông tin	1.5.VINIF-A-CVBSTT		X
1.6	Biên bản họp Hội đồng thẩm định đánh giá, xét chọn	1.6.VINIF-A-BBHTD	X	
B	QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN			
2.1	Thỏa Thuận Tài Trợ	2.1.VINIF-B-TTTT	X	X
2.2	Báo cáo giai đoạn về nội dung khoa học, tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của Dự Án	2.2.VINIF-B-BCGD		X
2.3	Biên bản đánh giá giai đoạn về nội dung khoa học, tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của Dự Án	2.3.VINIF-B-DGGD	X	
2.4	Biên bản kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện Dự Án (nếu có)	2.4.VINIF-B-BBKTTD	X	
2.5	Đề nghị điều chỉnh	2.5.VINIF-B-DNDC		X
2.6	Báo cáo tổng hợp quá trình thực hiện Dự Án	2.6.VINIF-B-BCTH		X
2.7	Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu Dự Án	2.7.VINIF-B-CVDGNT		X
2.8	Thông báo tổ chức đánh giá, nghiệm thu Dự Án	2.8.VINIF-B-TBNT	X	
2.9	Phiếu đánh giá, nghiệm thu báo cáo tổng hợp quá trình thực hiện Dự Án	2.9.VINIF-B-PDGNT	X	
2.10	Bản tổng hợp điểm đánh giá	2.10.VINIF-B-THDDG	X	
2.11	Biên bản tổ chức đánh giá, nghiệm thu Dự Án	2.11.VINIF-B-BBDGNT	X	
2.12	Biên bản hoàn thiện hồ sơ đánh giá nghiệm thu Dự Án	2.12.VINIF-B-BBHTHS		X
2.13	Quyết định công nhận kết quả thực hiện Dự Án	2.13.VINIF-B-CNKQ	X	
2.14	Biên bản Thanh lý Thỏa Thuận Tài Trợ	2.14.VINIF-B-TLTTTT	X	X

2. ĐỊNH MỨC LẬP DỰ TOÁN KINH PHÍ TÀI TRỢ CỦA VNCDDL (file excel đính kèm)